

Số: 14/2011/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước
đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch UBND thành phố về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã thuộc thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

QUY ĐỊNH

Về tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14 /2011/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2011 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thẩm quyền, trình tự giải quyết các thủ tục hành chính về hội trên địa bàn thành phố, gồm: cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội.

2. Tổ chức và hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện và các cơ quan có liên quan trong việc quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hội

1. Hội được quy định trong Quy định này là tổ chức tự nguyện của tổ chức, công dân Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên và cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; được tổ chức và hoạt động theo Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội có các tên gọi khác nhau: hội, liên hiệp hội, tổng hội, liên đoàn, hiệp hội, Câu lạc bộ có tư cách pháp nhân và các tên gọi khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là hội).

3. Hội được tổ chức và hoạt động theo phạm vi lãnh thổ, gồm:

- a) Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố;
- b) Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn quận, huyện;
- c) Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội.

Điều 4. Tên, biểu tượng, trụ sở, con dấu và tài khoản của hội

1. Tên của hội phải được viết bằng tiếng Việt. Hội có thể có biểu tượng riêng. Tên và biểu tượng của hội không được trùng lặp, gây nhầm lẫn với biểu tượng của các hội khác, không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

2. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật. Trụ sở chính của hội phải đặt trong phạm vi hội hoạt động.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC THÀNH LẬP, PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định, giải quyết thủ tục cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể hội

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định việc cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố và hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn quận, huyện.

2. Chủ tịch UBND các quận, huyện quyết định việc cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã.

3. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp Chủ tịch UBND thành phố thẩm định và trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định việc cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố và hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn quận, huyện.

4. Phòng Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp Chủ tịch UBND quận, huyện thẩm định và trình Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định việc cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã.

5. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan thẩm định phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không giải quyết, đồng thời chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1,2 Điều này.

Điều 6. Điều kiện thành lập hội

Điều kiện thành lập hội thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thành lập hội

1. Thành lập ban vận động thành lập hội:

a) Trước khi thành lập hội, những người sáng lập hội phải thành lập Ban Vận động thành lập hội và đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận Ban Vận động thành lập hội.

- Trách nhiệm ban vận động: vận động công dân, tổ chức đăng ký tham gia hội; chuẩn bị, nộp hồ sơ thành lập hội; sau khi được cho phép thành lập hội, tiến hành các công việc tổ chức đại hội thành lập hội. Ban vận động thành lập hội tự giải thể sau khi đại hội bầu ra Ban lãnh đạo hội hoặc quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực;

- Số lượng ban vận động: có ít nhất 05 thành viên đối với hội dự kiến hoạt động trong phạm vi thành phố; 03 thành viên đối với hội dự kiến hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã; có ít nhất 03 thành viên là đại diện các tổ chức kinh tế trên địa bàn thành phố đối với việc thành lập hiệp hội các tổ chức kinh tế có phạm vi hoạt động trong thành phố;

- Người đứng đầu ban vận động thành lập hội là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có sức khỏe và có uy tín trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động. Trong trường hợp người dự kiến Trưởng Ban vận động là nhân sự thuộc diện có cơ quan hoặc cấp quản lý thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận Ban Vận động: Đơn đề nghị công nhận Ban Vận động thành lập hội; danh sách trích ngang thành viên Ban Vận động;

c) Công nhận ban vận động thành lập hội:

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội đối với hội dự kiến hoạt động trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý trên phạm vi địa bàn thành phố;

- Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội đối với hội dự kiến hoạt động trong phạm vi địa bàn quận, huyện;

- Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND quận, huyện quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội đối với các hội dự kiến hoạt động trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý trên phạm vi địa bàn phường, xã;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội, các cơ quan chuyên môn quy định tại Điểm này có trách nhiệm xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội; trường hợp không đồng ý thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do, đồng thời gửi cơ quan chuyên môn quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này để biết.

2. Thành lập hội:

a) Thủ tục hồ sơ

Sau khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận, Ban Vận động thành lập hội lập 02 (hai) bộ hồ sơ nộp về cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị cho phép thành lập hội;
- Dự thảo Điều lệ hội;
- Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội của cơ quan có thẩm quyền kèm theo Danh sách trích ngang thành viên Ban Vận động;
- Lý lịch tư pháp người đứng đầu ban vận động thành lập hội;
- Bản kê khai tài sản do các sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có);
- Danh sách hội viên đăng ký ban đầu;
- Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội. Nếu thuê, mượn nhà, đất thuộc sở hữu tư nhân thì phải có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền về giao dịch thuê, mượn; nếu thuê, mượn nhà thuộc sở hữu nhà nước thì phải có ý kiến đồng ý của cơ quan sử dụng và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước đối với nhà, đất được thuê, mượn;

b) Thời gian giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân;

- Trong trường hợp đặc biệt xét thấy cần xác minh, bổ sung thông tin, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan để đảm bảo tính pháp lý và yêu cầu quản lý, thời hạn thẩm định, giải quyết được kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc;

- Trong trường hợp xét thấy đề nghị thành lập hội không đảm bảo tính pháp lý và yêu cầu quản lý thì cơ quan thẩm định có văn bản từ chối giải quyết và nêu rõ lý do, đồng thời gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 5 Quy định này để báo cáo.

3. Đại hội thành lập hội

a) Thời gian tổ chức đại hội thành lập hội

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định cho phép thành lập hội có hiệu lực, Ban vận động phải tổ chức Đại hội thành lập hội. Nếu quá thời hạn trên mà không tổ chức Đại hội, thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tổ chức đại hội, ban vận động phải có văn bản gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này để gia hạn thời gian tổ chức đại hội. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày, nếu quá thời gian được gia hạn mà không tổ chức đại hội thì các cơ quan quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này để gia hạn thời

gian tổ chức đại hội. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày, nếu quá thời gian được gia hạn mà không tổ chức đại hội thì các cơ quan quy định tại Khoản 3,4 Điều 5 Quy định này trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hủy Quyết định cho phép thành lập hội.

b) Nội dung chủ yếu của đại hội thành lập hội: Công bố quyết định cho phép thành lập hội; thảo luận và biểu quyết thông qua điều lệ hội; bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra của hội; thông qua chương trình hoạt động của hội; thông qua nghị quyết đại hội.

Điều 8. Phê duyệt Điều lệ hội

1. Nội dung chủ yếu của điều lệ hội

Điều lệ của hội là văn bản quy phạm cao nhất của hội, quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội, do đại hội của hội thông qua và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 5 Quy định này phê duyệt mới có giá trị thực hiện. Điều lệ hội phải có những nội dung chính như sau:

- a) Tên gọi của hội;
- b) Tôn chỉ mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của hội;
- c) Nhiệm vụ và quyền hạn của hội;
- d) Nguyên tắc tổ chức và hoạt động;
- đ) Tiêu chuẩn hội viên;
- e) Thẻ thức vào hội, ra hội, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên và nhiệm vụ, quyền hạn của hội viên;
- g) Cơ cấu, tổ chức, thẻ thức bầu, miễn nhiệm; nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo khác của hội; nguyên tắc và hình thức biểu quyết;
- h) Tài chính, tài sản và phương thức quản lý tài chính, tài sản;
- i) Điều kiện giải thể, thanh quyết toán tài chính, tài sản của hội;
- k) Khen thưởng, kỷ luật; khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ hội;
- l) Thẻ thức sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- m) Hiệu lực thi hành.

2. Thủ tục đề nghị phê duyệt điều lệ:

Khi đề nghị phê duyệt điều lệ hội, hội phải lập 02 (hai) bộ hồ sơ nộp về cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt điều lệ hội;
- Biên bản thông qua điều lệ hội (hoặc Nghị quyết đại hội hội có thể hiện rõ các nội dung thông qua điều lệ hội);

- Dự thảo điều lệ hội.

3. Thời gian giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trả kết quả cho hội;

- Nếu nhận thấy các quy định của điều lệ trái với các quy định của pháp luật thì cơ quan thẩm định hồ sơ yêu cầu, hướng dẫn bằng văn bản để hội sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Thời hạn giải quyết được tính kể từ ngày hội hoàn chỉnh, nộp lại hồ sơ theo quy định. Nếu điều lệ hội vẫn trái với quy định của pháp luật hoặc hội không chấp thuận yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan thẩm định thì cơ quan thẩm định hồ sơ trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do việc từ chối phê duyệt điều lệ hội, đồng thời gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 5 Quy định này để báo cáo.

Điều 9. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên hội

1. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên hội thực hiện theo các quy định tại Điều 5, 6 Quy định này và Điều 25, 31 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, Điều 11, 12 Thông tư số 11/2011/TT-BNV.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các hồ sơ đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên hội; trường hợp xét thấy cần xác minh, bổ sung thông tin, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan để đảm bảo tính pháp lý và yêu cầu quản lý, thời hạn thẩm định, giải quyết được kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc; trường hợp không phê duyệt thì trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do không phê duyệt, đồng thời gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 5 Quy định này để báo cáo.

Điều 10. Giải thể hội

Hội giải thể trong các trường hợp sau:

1. Hội tự giải thể:

a) Hội tự giải thể khi hết thời hạn hoạt động hoặc khi có đề nghị của quá 1/2 hội viên chính thức hoặc khi mục tiêu của hội đã hoàn thành;

b) Khi giải thể hội, ban lãnh đạo hội phải nộp hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3,4 Điều 5 Quy định này, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị giải thể hội;

- Nghị quyết của hội về việc giải thể hội;

- Bản kê tài sản, tài chính;

- Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ nếu có;

Hội phải thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ nếu có trên 05 (năm) số liên tiếp ở báo thành phố;

c) Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán các khoản nợ và thanh lý tài sản, tài chính mà không có đơn khiếu nại đối với hội thì cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này trình cấp có thẩm quyền ký quyết định giải thể hội.

Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định của cơ quan có thẩm quyền giải thể hội có hiệu lực thi hành.

2. Hội bị giải thể:

Hội bị giải thể khi vi phạm một trong các điểm sau đây:

- a) Không hoạt động liên tục 12 (mười hai) tháng;
- b) Có nghị quyết của đại hội về việc giải thể mà ban lãnh đạo hội không chấp hành;
- c) Vi phạm các quy định về tổ chức đại hội;
- d) Vi phạm các quy định về thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với cơ quan quản lý nhà nước;
- đ) Hội hoạt động không có hiệu quả từ 02 (hai) năm trở lên;
- e) Hoạt động của hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

Khi giải thể hội, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 5 Quy định này phải ra quyết định giải thể và thông báo quyết định giải thể trên 03 số Báo liên tiếp ở thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 11. Hội viên

1. Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành điều lệ hội, tự nguyện gia nhập hội, có đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ hội có thể trở thành hội viên chính thức của hội.

2. Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của hội nhưng có đóng góp với hội có thể được công nhận là hội viên liên kết, hội viên danh dự của hội.

3. Các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của hiệp hội, tán thành điều lệ hiệp hội thì được hiệp hội các tổ chức kinh tế xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

4. Thẩm quyền và thủ tục kết nạp, khai trừ các loại hội viên, quyền và nghĩa vụ của các loại hội viên do điều lệ hội quy định.

Điều 12. Cơ cấu tổ chức chủ yếu của hội

1. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu của hội.
2. Ban lãnh đạo hội: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thư ký, Ban Thường trực hoặc tên gọi khác, do điều lệ hội quy định.
3. Bộ máy kiểm tra của hội là Ban kiểm tra, Ủy ban kiểm tra hoặc tên gọi khác, do điều lệ hội quy định.
4. Tổ chức trực thuộc hội gồm chi hội, phân hội, tổ, nhóm hội viên hoặc tên gọi khác không phải là pháp nhân, do điều lệ hội quy định.
5. Pháp nhân thuộc hội là tổ chức của hội, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 18 Quy định này.

13. Đại hội của hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường của hội, được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hội viên hoặc đại hội đại biểu của hội.
2. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất 2/3 tổng số ủy viên ban lãnh đạo hội hoặc trên 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị.
3. Nhiệm kỳ của đại hội do điều lệ hội quy định nhưng không quá 05 (năm) năm kể từ ngày kết thúc đại hội nhiệm kỳ trước.
4. Đại hội của hội biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do Đại hội quyết định. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của hội phải được quá 1/2 số đại biểu có mặt tán thành.

Chương IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của hội

Quyền, nghĩa vụ của hội thực hiện theo quy định tại Điều 23, 24 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của hội trong việc tổ chức đại hội

1. Báo cáo việc tổ chức đại hội:
 - a) Trước khi tổ chức đại hội nhiệm kỳ 30 ngày, hội phải báo cáo bằng văn bản cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này. Nội dung báo cáo bao gồm:
 - Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;
 - Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội;
 - Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra của hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy định này;

- Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

b) Trong trường hợp hội tổ chức đại hội bất thường, nội dung báo cáo đại hội bất thường như sau:

- Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường, trong đó nêu rõ nội dung sẽ thảo luận và quyết định tại đại hội;

- Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận nội dung báo cáo đầy đủ, hợp pháp, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội; trong trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động thì chậm nhất không quá 25 ngày phải có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội;

d) Hội được tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này;

đ) Trường hợp hội tổ chức đại hội mà không báo cáo theo quy định tại Khoản 1, 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này không trình phê duyệt điều lệ hội đã được đại hội thông qua và báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định tại 1, 2 Điều 5 Quy định này xử lý vi phạm theo Khoản 2 Điều 10 Quy định này.

2. Nội dung chủ yếu quyết định tại đại hội:

a) Tổng kết đánh giá kết quả nhiệm kỳ trước và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ sau của hội;

b) Bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra;

c) Đổi tên, sửa đổi, bổ sung điều lệ (nếu có);

d) Gia nhập liên hiệp các hội cùng lĩnh vực hoạt động;

đ) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hội;

e) Tài chính hội;

g) Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ hội.

3. Báo cáo kết quả đại hội:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đại hội, ban lãnh đạo hội phải báo cáo kết quả đại hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này. Nội dung báo cáo gồm:

a) Điều lệ và trích biên bản thông qua điều lệ (nếu có sửa đổi, bổ sung điều lệ);

- b) Biên bản bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra kèm theo danh sách trích ngang;
- c) Lý lịch người đứng đầu hội, nếu người đứng đầu hội là nhân sự thuộc diện có cơ quan hoặc cấp quản lý thì kèm theo bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý, về việc đồng ý việc tham gia lãnh đạo hội;
- d) Chương trình hoạt động của hội;
- đ) Nghị quyết đại hội.

4. Xử lý vi phạm về tổ chức đại hội:

a) Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày hết nhiệm kỳ đại hội, nếu hội không tiến hành đại hội, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có văn bản yêu cầu hội tổ chức đại hội;

b) Trong thời gian 06 tháng kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu tổ chức đại hội mà lãnh đạo hội không tổ chức đại hội thì các cơ quan quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 của Quy định này áp dụng các biện pháp:

- Tổ chức họp ban lãnh đạo hội để đình chỉ việc điều hành của người đứng đầu hội và cử thành viên trong ban lãnh đạo hội thực hiện công việc tổ chức đại hội cho đến khi hội tổ chức đại hội và bầu ra được ban lãnh đạo mới;

- Tổ chức họp ban lãnh đạo hội cử ra ban trừ bị chuẩn bị tổ chức đại hội;

c) Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày hội đã bị áp dụng các biện pháp quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này, hội phải tổ chức đại hội và báo cáo cơ quan cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp hội không thực hiện thì các cơ quan quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này báo cáo cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giải thể hội.

Điều 16. Người đứng đầu hội

1. Nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Người đứng đầu hội phải do hội bầu ra theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật; là người đại diện pháp nhân và chịu trách nhiệm trước pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền quản lý hội về toàn bộ tổ chức và hoạt động của hội.

3. Số nhiệm kỳ liên tiếp giữ chức danh là người đứng đầu hội; độ tuổi, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu, lựa chọn để bầu người đứng đầu hội do điều lệ hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền quản lý.

4. Người đứng đầu hội, các cơ quan lãnh đạo hội và các chức danh lãnh đạo hội được hội bầu ra theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật là đủ điều kiện để hoạt động, kể cả trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức do cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động, biệt phái, phân công, giới thiệu tham gia ứng cử, bầu cử vào hội. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Quy định này không thực hiện việc công nhận chức danh đối với người đứng đầu hội, các cơ quan lãnh đạo hội và các chức danh lãnh đạo hội.

Điều 17. Cán bộ làm công tác hội tại hội

1. Cán bộ làm công tác hội tại hội do hội tự quyết định phù hợp với nhu cầu, khả năng của hội theo quy định của điều lệ hội.
2. Chế độ, chính sách đối với những người công tác tại hội thực hiện theo thỏa thuận giữa hội với người làm công tác hội, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội và theo quy định của Bộ Luật lao động, quy định pháp luật có liên quan.
3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động, phân công làm việc tại các hội đặc thù và những người được tuyển dụng làm việc tại các hội đặc thù theo chỉ tiêu biên chế được giao, thì chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
4. Đối với những người đã nghỉ hưởng lương hưu theo quy định pháp luật, giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách tại hội có tính chất đặc thù, thì ngoài lương hưu, được hưởng thù lao theo quy định của hội và quy định của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội và tương quan chung giữa các hội đặc thù.

Điều 18. Thành lập pháp nhân trực thuộc

1. Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân trực thuộc hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động (giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, giấy phép kinh doanh...) thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này.
2. Khi có nhu cầu thành lập pháp nhân trực thuộc hoạt động trong các lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội nhưng chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ thành lập, hội phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này, hồ sơ báo cáo gồm:
 - a) Đề án thành lập pháp nhân, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải thành lập, sự phù hợp với điều lệ hội và quy định của pháp luật;
 - b) Dự thảo quy chế hoạt động (hoặc điều lệ) của pháp nhân;
 - c) Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt trụ sở của pháp nhân; văn bản xác nhận tài sản của pháp nhân (nếu có);
 - d) Danh sách dự kiến và sơ yếu lý lịch của ban lãnh đạo pháp nhân.
3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, có văn bản trả lời hội, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do, đồng thời gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 5 Quy định này để báo cáo.

4. Hội thành lập pháp nhân trực thuộc hội không đúng quy định của pháp luật và Quy định này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị cơ quan công an thu hồi con dấu.

Điều 19. Quản lý tài chính, tài sản

1. Kinh phí hoạt động của hội do hội tự đảm bảo theo quy định tại Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

2. Đối với hội phí của hội viên, quỹ hội, các nguồn thu hợp pháp khác của hội được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều lệ hội.

3. Đối với các nguồn tài trợ, viện trợ của các cá nhân, tổ chức cho hội nhưng không thuộc ngân sách nhà nước, hội quản lý, sử dụng theo điều lệ hội, theo cam kết giữa hội và tổ chức, cá nhân tài trợ, viện trợ và theo các quy định của pháp luật về quản lý tài trợ, viện trợ.

4. Việc sử dụng kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động có gắn với nhiệm vụ của nhà nước thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu và quản lý tài chính hiện hành. Khi kết thúc các hoạt động, hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc được uỷ thác thực hiện, các hội lập báo cáo tổng hợp tình hình chi tiêu kinh phí đã được nhà nước hỗ trợ tới cơ quan đã giao nhiệm vụ cho hội, đồng thời gửi cơ quan tài chính và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cùng cấp để theo dõi và quản lý theo quy định hiện hành.

5. Đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thì hội phải thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

6. Đối với tài sản của nhà nước tại các hội, việc quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định về quản lý tài sản nhà nước. Đối với tài sản riêng của hội, việc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của các hội.

7. Việc quyết toán kinh phí được hỗ trợ: Đối với phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao cho các hội thực hiện, các hội trực tiếp quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và văn bản hướng dẫn Luật. Đối với phần kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nhà nước do các cơ quan uỷ thác cho các hội thực hiện, cơ quan uỷ thác xét duyệt quyết toán kinh phí trên cơ sở nghiệm thu, thanh lý hợp đồng trách nhiệm đã ký kết (chứng từ gốc do các hội lưu giữ theo quy định của Luật kế toán), cuối năm tổng hợp chung trong quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan uỷ thác. Hội có trách nhiệm tổng hợp chung quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao vào quyết toán thu, chi cuối năm của Hội theo quy định.

8. Hằng năm hội phải thực hiện việc báo cáo tài chính, gồm kinh phí do nhà nước hỗ trợ và kinh phí tự chủ của hội (hội phí, các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, quỹ hội, các nguồn thu hợp pháp khác của hội) cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này.

Điều 20. Quản lý hội thành viên

1. Điều kiện, thủ tục kết nạp, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ, mối quan hệ của hội là thành viên tập thể của một tổ chức hội khác (gọi tắt là hội thành viên) do tổ chức hội quyết định theo điều lệ và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức hội có hội thành viên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ, theo dõi, kiểm tra về tổ chức và hoạt động hội thành viên theo điều kiện thực tế của tổ chức mình.

3. Các hội thành viên chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ, theo dõi, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của hội mình tham gia làm thành viên.

4. Các tổ chức hội có hội thành viên có trách nhiệm phối hợp, tham gia các hoạt động quản lý nhà nước đối với hội thành viên theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định Điều 5 Quy định này; định kỳ tổng hợp tình hình tổ chức và hoạt động của hội thành viên trong báo cáo của hội theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

Điều 21. Lập và lưu trữ hồ sơ

1. Hội phải lập hồ sơ, danh sách cán bộ, hội viên, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; hồ sơ hội thành viên, chi hội và các đơn vị trực thuộc hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội; hồ sơ công việc và các tài liệu liên quan đến hoạt động của hội; sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo, ban kiểm tra hội và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của hội.

2. Thời hạn lưu trữ và hủy tài liệu hồ sơ đã hết thời hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ.

Điều 22. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Hội có trách nhiệm thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động của hội theo yêu cầu và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Quy định này.

Hội phải báo cáo tổng kết việc tổ chức và hoạt động của năm gửi về Sở Nội vụ (đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố, hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện) và Phòng Nội vụ (đối với hội hoạt động trong phạm vi phường, xã) trước ngày 15 tháng 12; đồng thời gửi báo cáo đến cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hội hoạt động để theo dõi, đánh giá.

2. Việc báo cáo trong nội bộ hội do hội tự quyết định theo quy định của điều lệ hội.

3. Hội vi phạm chế độ thông tin báo cáo thì các cơ quan quy định tại Khoản Điều 5 Quy định này xử lý vi phạm theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 23. Trách nhiệm của thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố

1. Công nhận Ban Vận động thành lập hội đối với các hội dự kiến hoạt động trong lĩnh vực quản lý, có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố.

2. Giúp UBND thành phố theo dõi, đánh giá hoạt động đối với các hội hoạt động trong lĩnh vực quản lý.

3. Phối hợp, hỗ trợ các hội hoạt động; tạo điều kiện để hội tham gia các chương, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội, cung cấp dịch vụ công, đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hội thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị giải thể đối với hội hoạt động trong lĩnh vực quản lý khi phát hiện hội vi phạm một trong các quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này hoặc các dấu hiệu vi phạm pháp luật khác.

6. Phối hợp Sở Nội vụ trong việc quản lý, theo dõi, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các hội hoạt động trong phạm vi lĩnh vực mình quản lý.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND quận, huyện

1. Giúp UBND thành phố thực hiện các thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

2. Công nhận Ban vận động thành lập hội đối với hội dự kiến hoạt động trong phạm vi địa bàn quận, huyện.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện điều lệ và chấp hành pháp luật về hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hội theo thẩm quyền.

4. Xem xét, hỗ trợ đối với các hội có phạm vi hoạt động tại địa phương theo quy định.

5. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp phường, xã trong việc quản lý hội theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.

6. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, tổng hợp báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên địa bàn về Sở Nội vụ.

Điều 25. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Giúp UBND thành phố theo dõi, quản lý, tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên địa bàn thành phố.

2. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất UBND thành phố các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện giúp hội hoạt động hiệu quả.

4. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất về tổ chức, hoạt động và quản lý hội theo quy định.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hội theo thẩm quyền.

6. Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên đại bàn thành phố báo cáo Bộ Nội vụ và UBND thành phố theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Giám đốc Công an thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ pháp luật đối với tổ chức và hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ pháp luật đối với tổ chức và hoạt động của hội ở phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật và quy định này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã trên địa bàn thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc các ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về UBND thành phố thông qua Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tế của địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh